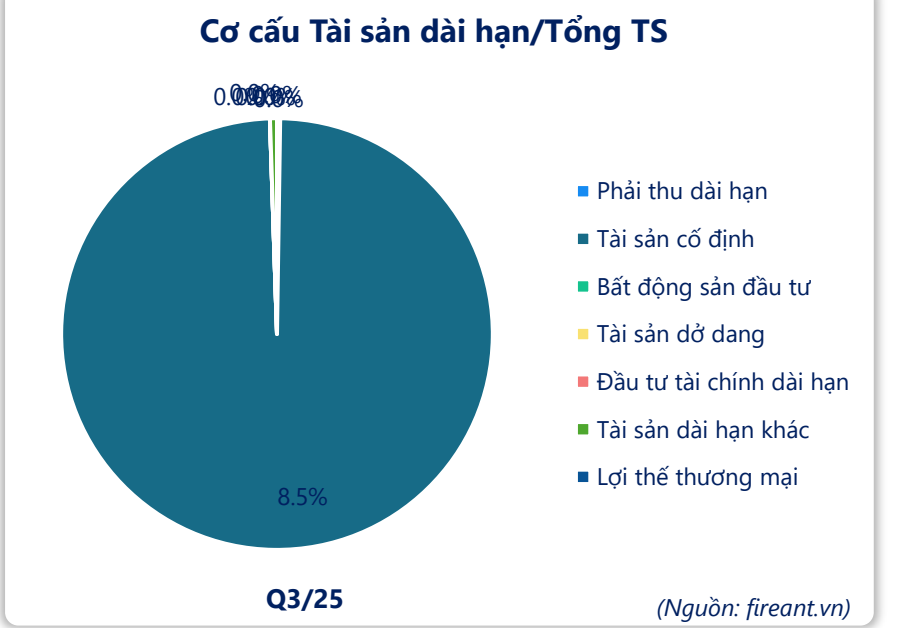
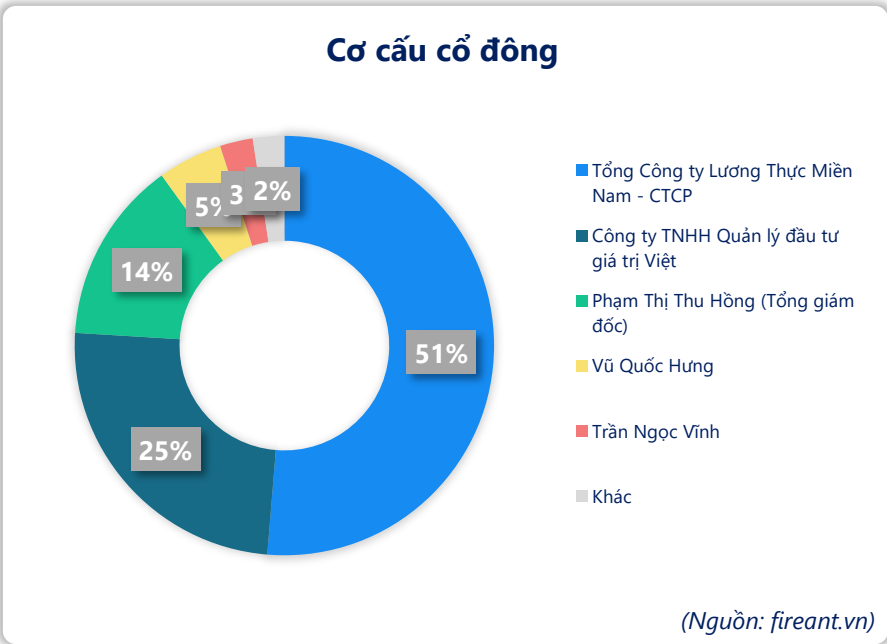
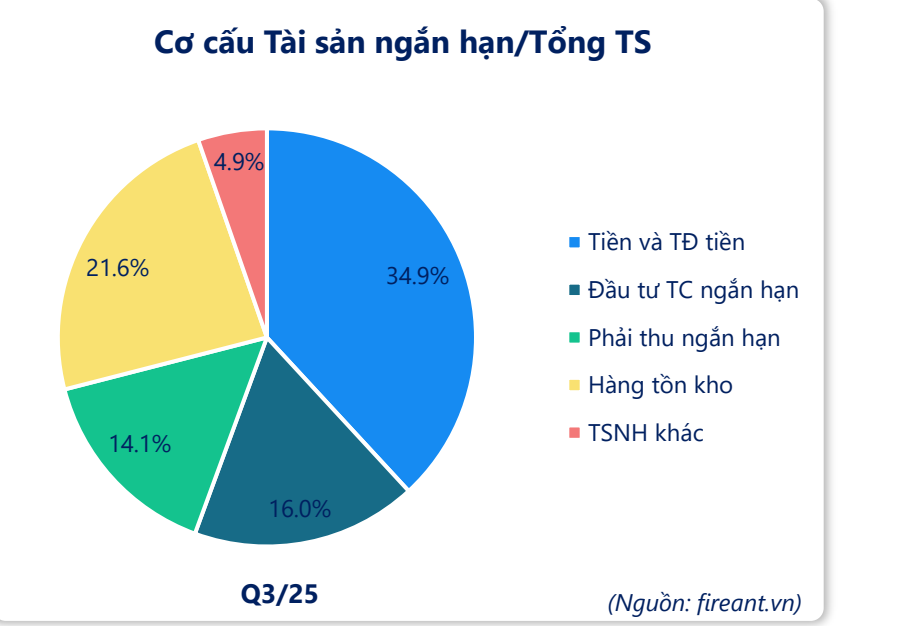
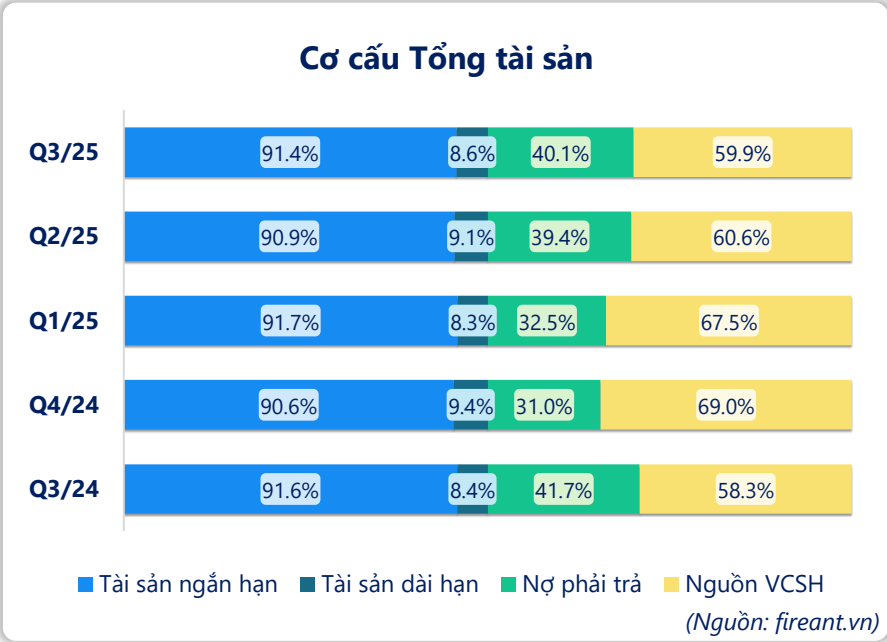
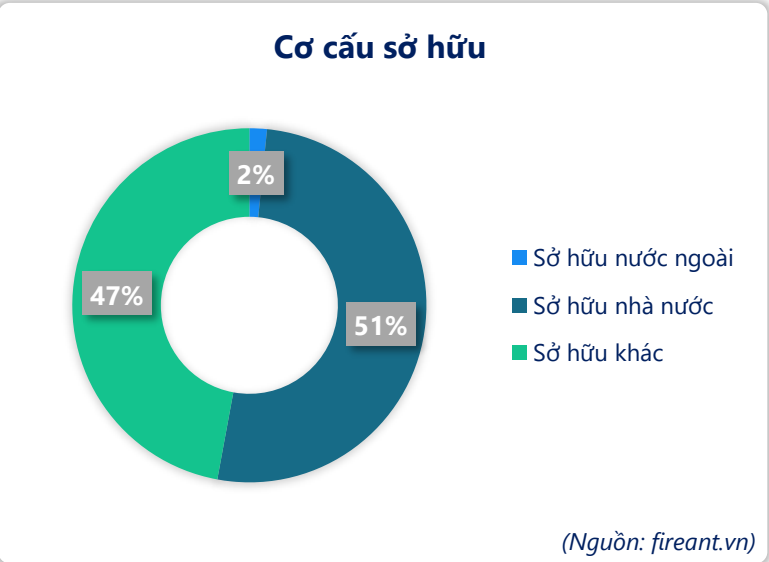
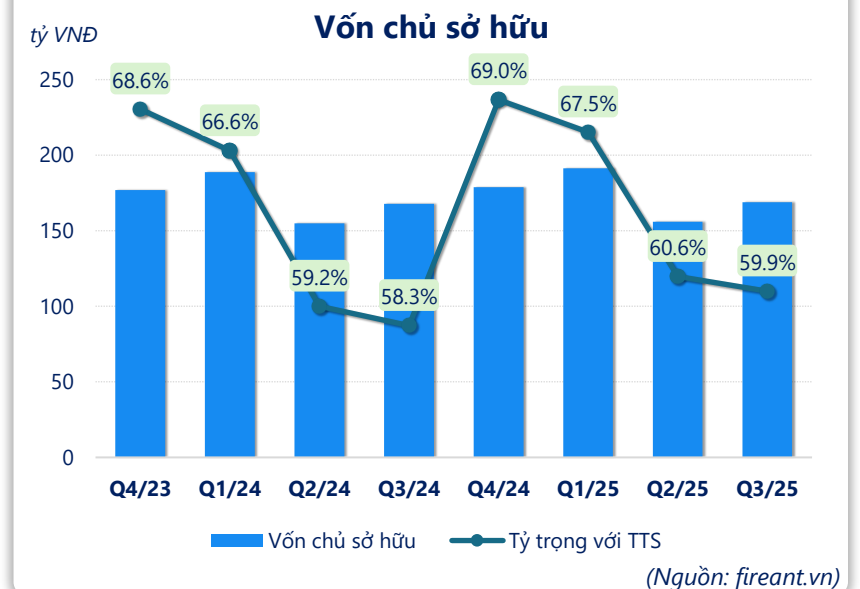
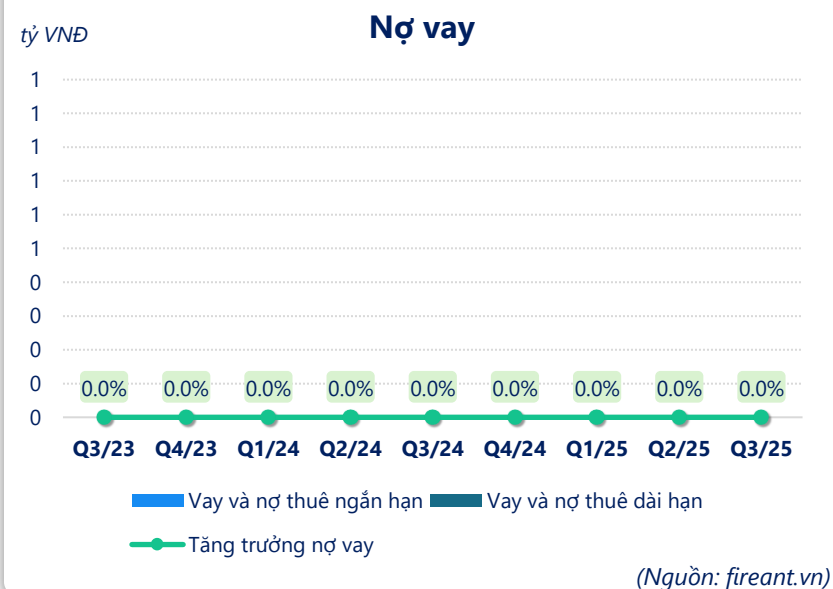
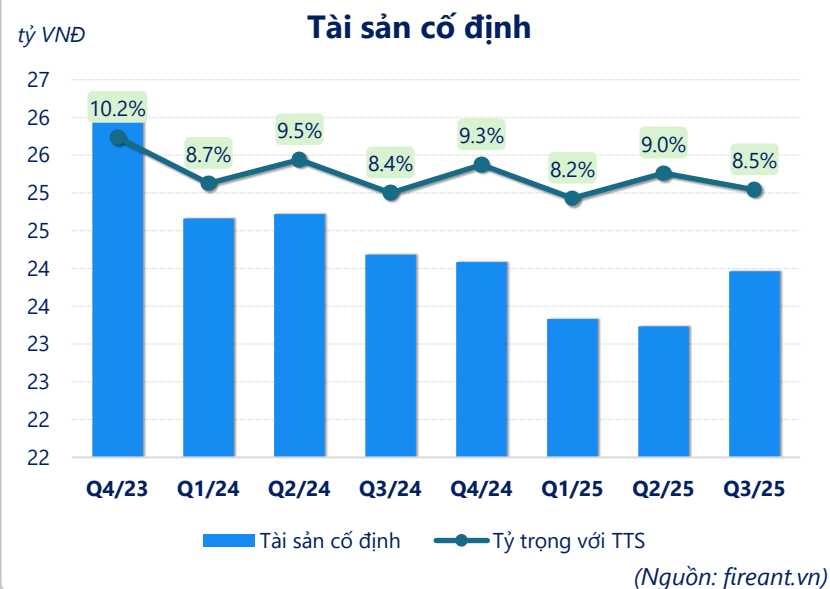
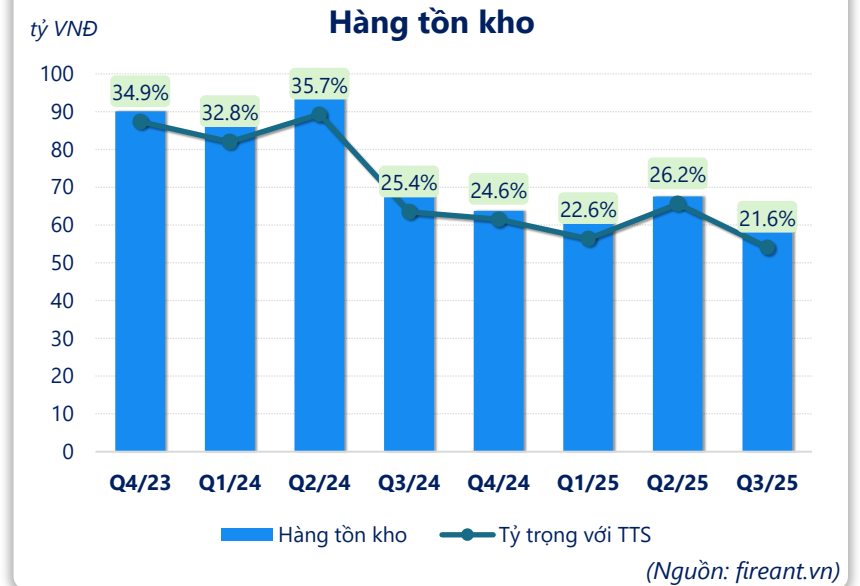
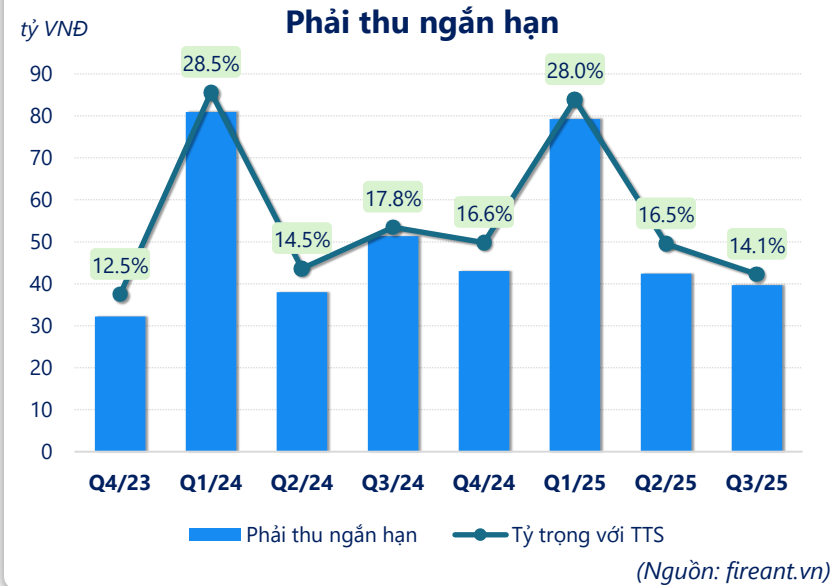
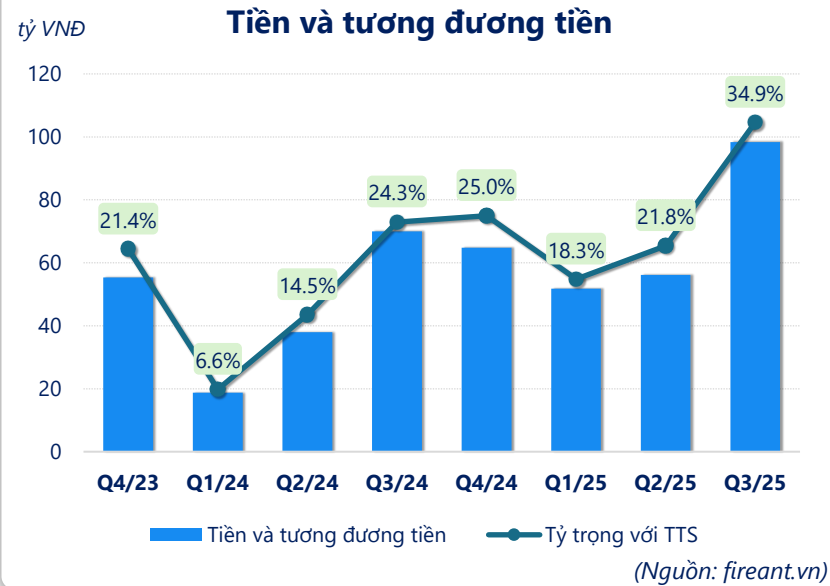
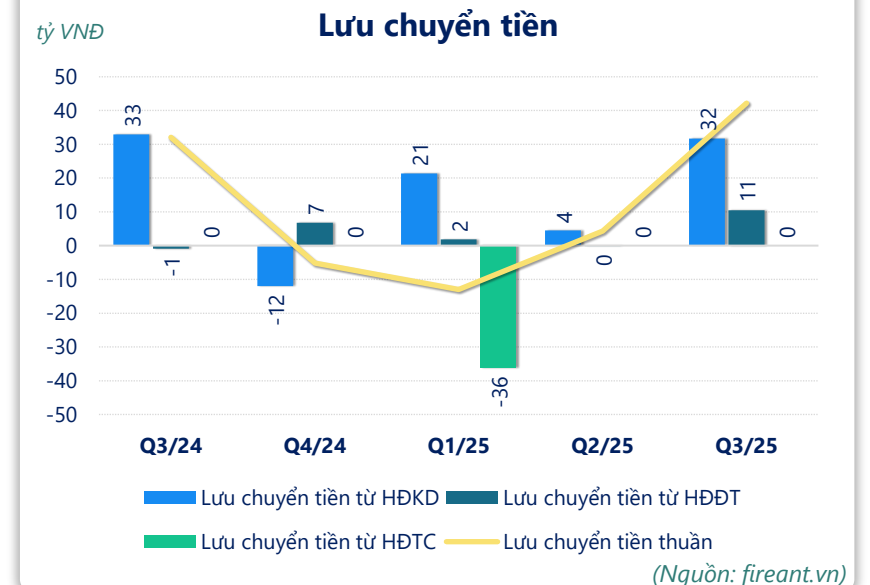
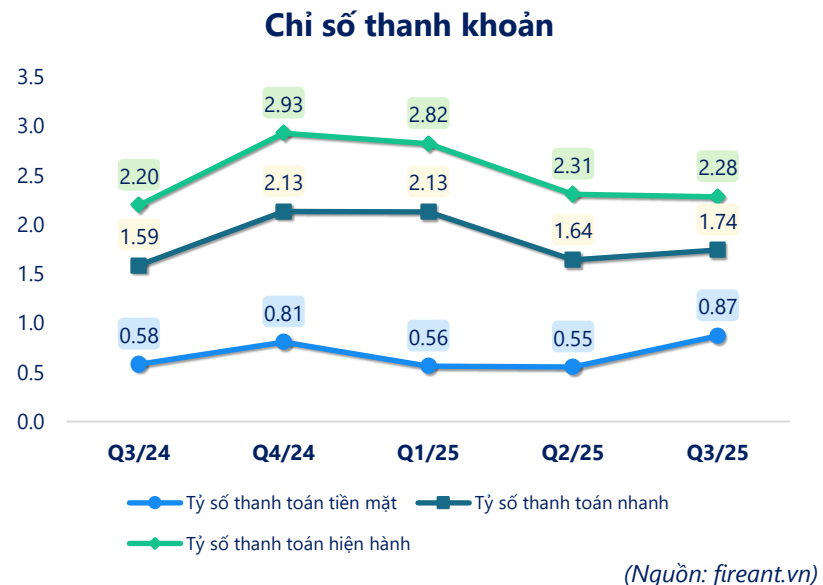
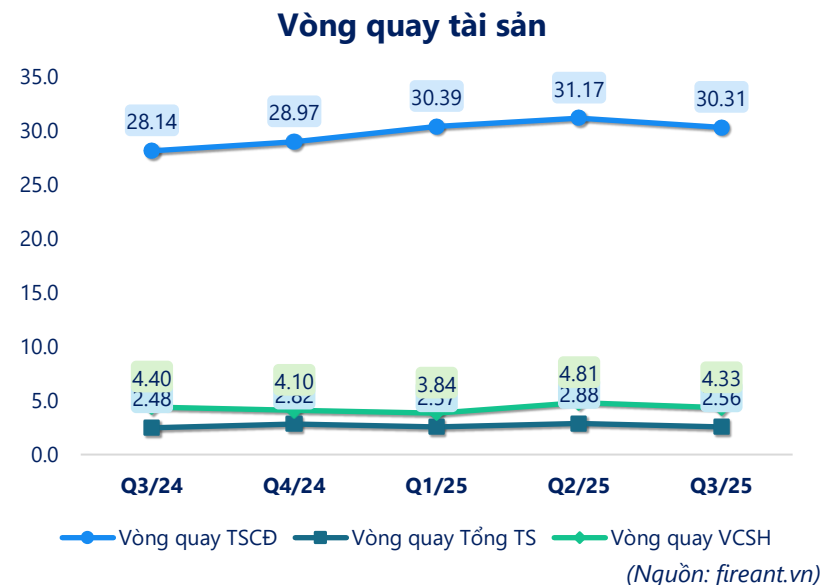
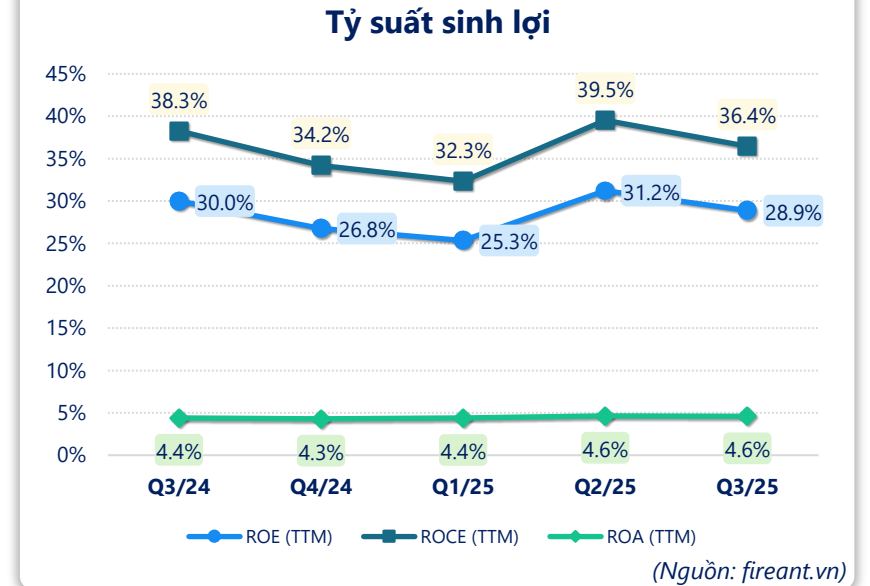
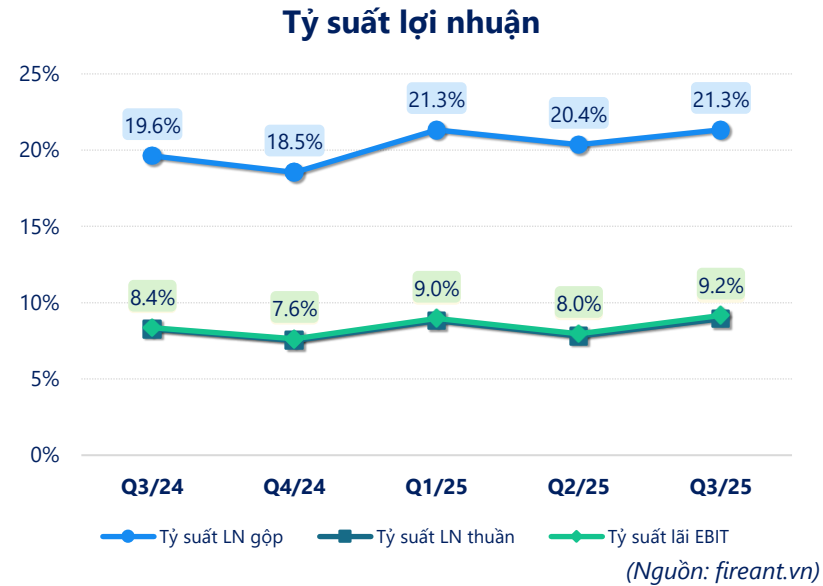
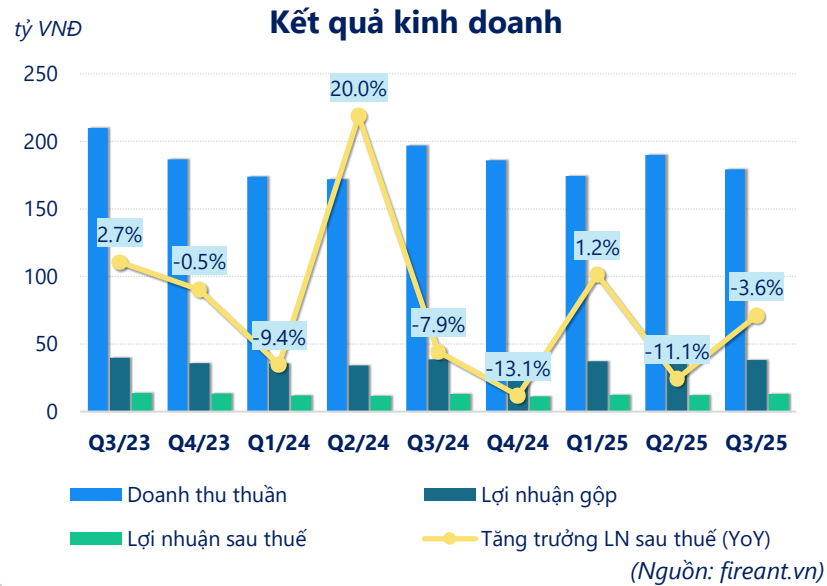


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		54,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		66,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		48,272
SL cổ phiếu LH		12,046,590
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,430
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		661
P/E		13.6
EPS		4,033

	YTD	1T	3T	6T
SAF	-15.5%	6.6%	5.8%	3.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	282	259	8.8%
Tài sản ngắn hạn	258	235	9.8%
Tiền và tương đương tiền	98.3	64.8	51.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	55.0	-18.2%
Phải thu ngắn hạn	39.7	43.0	-7.8%
Hàng tồn kho	61.0	63.7	-4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	13.7	8.26	66.4%
Tài sản dài hạn	24.1	24.3	-0.6%
Phải thu dài hạn	0.06	0.05	18.5%
Tài sản cố định	24.0	24.1	-0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.13	0.16	-21.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	113	80.2	40.8%
Nợ ngắn hạn	113	80.2	40.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	11.3	60.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	169	179	-5.6%
Vốn chủ sở hữu	169	179	-5.6%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	197	186	174	190	179
Giá vốn hàng bán	158	151	137	151	141
Lợi nhuận gộp	38.6	34.5	37.2	38.7	38.2
Doanh thu HĐTC	1.62	2.58	1.55	2.00	1.96
Chi phí TC	0.48	0.11	0.10	0.21	0.04
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	18.7	17.6	18.3	20.2	19.2
Chi phí QLDN	4.83	5.40	4.96	5.42	4.92
LN thuần từ HĐKD	16.3	14.0	15.4	14.8	16.0
Lợi nhuận khác	0.19	0.22	0.24	0.29	0.40
LN trước thuế	16.5	14.2	15.6	15.1	16.4
Lợi nhuận sau thuế	12.9	11.1	12.4	12.0	13.0
LNST của CĐ cty mẹ	12.9	11.1	12.4	12.0	13.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.9	-12.0	21.3	4.48	31.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.88	6.75	1.83	-0.15	10.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-36.1	0	0
Tiền đầu kỳ	37.9	70.0	64.8	51.8	56.1
Lưu chuyển tiền thuần	32.0	-5.20	-13.0	4.33	42.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	-0.05	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	70.0	64.8	51.8	56.1	98.3

(Nguồn: fireant.vn)